

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DSST

Ngày: 24-6-2019

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 361/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-DS ngày 10/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 340/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường TC4, tổ 13, KP3, Mỹ Phước, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Bị đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp Vườn Dừa, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Văn G, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Vườn Dừa, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, bà T có đơn xin vắng mặt, ông G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Do chỗ quen biết với nhau nên khi bà đi lao động có gửi tiền về cho bà T nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/11/2012, bà gửi cho bà T 7000USD đổi ra tiền Việt Nam là 147.000.000đ

Lần 2: Ngày 04/02/2013, bà gửi cho bà T 2100USD đổi ra tiền Việt Nam là 44.100.000đ

Lần 3: Ngày 11/3/2013, bà gửi cho bà T 2000USD đổi ra tiền Việt Nam là 42.000.000đ

Lần 4: Ngày 15/7/2013, bà gửi cho bà T 8000USD đổi ra tiền Việt Nam là 168.000.000đ

Lần 5: Ngày 18/11/2010, bà gửi cho bà T 2000USD đổi ra tiền Việt Nam là 42.000.000đ.

Tất cả năm lần chuyển tiền trên bà đều là người ra nộp trực tiếp tại ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản đứng tên bà Đào Thị T số tài khoản là 0481370533417 Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh B.

Tổng cộng bà đã gửi cho bà T 5 lần với tổng là 21.100 USD tương đương với tiền Việt Nam là 443.100.000đ (tính 1USD = 21000đ), ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

* Căn cứ vào các bản tự khai bị đơn bà Đào Thị T trình bày: Bà có quen biết với bà Nguyễn Thị L nên khi Bà L đi làm bên Hàn Quốc có gửi cho bà 5 lần tiền, Bà L chuyển tiền vào tài khoản của bà tổng cộng bà có nhận là 21.100 USD tương đương với tiền Việt Nam là 443.100.000đ, bà xác định số tiền này có phần đóng góp của con trai bà là ông Đỗ Văn G cùng làm với Bà L bên Hàn Quốc rồi góp vào chuyển về cho bà giữ giùm. Nay bà đồng ý trả lại cho Bà L và ông G toàn bộ là 21.100 USD tương đương với tiền Việt Nam là 443.100.000đ, bà chỉ đồng ý trả cho Bà L 221.550.000đ (hai trăm hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng), trả cho ông G 221.550.000đ (hai trăm hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng), bà T cũng xác định không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn G, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông G vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án nhân dân TP B không tiến hành làm việc hòa giải, đối chất, phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ được. Tại phiên tòa ông G vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Kiểm sát viên được phân công phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho Bà L 21.100 USD tương đương với tiền Việt Nam là 443.100.000đ (bốn trăm bốn mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng), về án phí dân sự sơ thẩm bà T thuộc trường hợp được miễn án phí theo Nghị quyết 326 và Luật người cao tuổi, hoàn trả lại tiền án phí cho Bà L đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà L, bị đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn G đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ về việc thụ lý vụ án, hòa giải, đối chất, công khai chứng cứ và xét xử, ông G biết và có bà T là mẹ ông G nhận thay văn bản tố tụng của Tòa án và cam

kết sẽ giao lại cho ông G nhưng ông G vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và theo biên bản xác minh tại công an xã P cho biết ông G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Căn cứ vào **khoản 1 Điều 207; điều 227, khoản 1 Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà L xác định bà có chuyển 21.100 USD vào tài khoản của bà T, sau đó Bà L yêu cầu bà T trả lại số tiền trên nhưng bà T không trả do đó Bà L khởi kiện để đòi lại số tiền trên, bà T có địa chỉ thường trú và sinh sống tại **1234, tổ 21B, ấp Vườn Dừa, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà L buộc bà T phải trả lại 21.100 USD tương đương với tiền Việt Nam là 443.100.000đ (bốn trăm bốn mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng) là có cơ sở. Bởi lẽ: Căn cứ vào bảng kê chi tiết các giấy chuyển tiền mà Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh B đã cung cấp cho Tòa án đã xác định được Bà L có chuyển vào tài khoản của bà T số tài khoản là 0481370533417 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh B với 05 lần chuyển tiền tổng là 21.100USD và qua lời khai của bà T cũng thừa nhận việc Bà L có chuyển cho bà số tiền 21.100USD, tuy nhiên đây là số tiền chung của ông G và Bà L nên bà đồng ý trả lại số tiền trên cho cả ông G và Bà L. Việc trình bày của bà T không được Bà L thừa nhận và bà T không có tài liệu chứng cứ nào khác để cung cấp chứng minh số tiền trên là có một phần tiền của ông G.

Mặc khác quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Tòa án thu thập nhưng ông Đỗ Văn G không có ý kiến phản hồi và cố tình vắng mặt cho thấy ông G đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà đương sự đã cung cấp cũng như các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được để giải quyết vụ án và áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 166 và Điều 688 Bộ Luật Dân sự 2015 chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Đào Thị T phải trả số 21.100 USD. Do tại thời điểm xét xử phía nguyên đơn Bà L yêu cầu Tòa án tính 1USD tương đương là 21.000đ xét thấy có lợi cho phía bị đơn nên chấp nhận, như vậy buộc bà T phải trả lại cho Bà L 21.100 USD tương đương là 443.100.000đ (bốn trăm bốn mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng) là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự có giá ngạch: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết và Điều 2 Luật người cao tuổi, bà T thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà Bà L đã đóng.

[5] Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 203, Điều 205, khoản 1 Điều 207; Điều 220, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166 và Điều 688 Bộ Luật Dân sự 2015;

Áp dụng Luật người cao tuổi ngày 01 tháng 7 năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Đào Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L 21.100 USD tương đương với tiền Việt Nam là 443.100.000đ (bốn trăm bốn mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Đào Thị T thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326 và Điều 2 Luật người cao tuổi. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L 10.862.000đ (Mười triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009864 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt Bà L, bà T, ông G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Tân Biên, TP. B,
tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP.B (01);
- Các đương sự (6);
- Lưu HS-VP(03).

Hoàng Thị Thu Minh

THẨM

Nơi nhận

phiên tòa

- TAND tỉnh

- VKSND TP.B

- THA B

- Đường sự , - Lưu

Bình

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa

Thị Thị Thanh